

Số: 1110/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 116/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Cụ thể như sau:

- Cấp tỉnh: 23 thủ tục hành chính
- Cấp huyện: 02 thủ tục hành chính

(Danh mục thủ tục hành chính kèm theo)

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thay thế 23 Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước cấp tỉnh, 02 Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước cấp huyện được công bố tại Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Các nội dung khác tại Quyết định này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử của giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này làm cơ sở để Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện cấu hình, cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố trên Cổng dịch vụ công của tỉnh để công khai; cấu hình quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT- TH Đồng Nai;
- Tổng đài DVC 1022 (phối hợp công khai);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Cổng TTĐT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

**(Ban hành kèm theo Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	CẤP TỈNH							
1	1.012500	Tạm dùng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	23 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan được phân cấp: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	08 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	14 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Bộ phận Một cửa UBND cấp xã - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - <i>Cơ quan được phân cấp:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường. - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	30 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Thông tư số 03/2024/TT-BNNMT.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	30 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Thông tư số 03/2024/TT-BNNMT.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
6	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	26 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
7	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	45 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - <i>Cơ quan được phân cấp:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường. - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nộp trực tiếp: + 2.500.000 đồng: Đối với Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200m³/ngày đêm. + 7.500.000 đồng: Đối với Đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm. - Nộp trực tuyến: + 1.250.000 đồng: Đối với Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200m³/ngày đêm. + 3.750.000 đồng: Đối với Đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
8	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	38 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - <i>Cơ quan được phân cấp:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường. - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nộp trực tiếp: + 2.000.000 đồng: Đề án, Báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm. + 6.000.000 đồng: Đề án, Báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm. - Nộp trực tuyến: + 1.000.000 đồng: Đề án, Báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm. + 3.000.000 đồng: Đề án, Báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác nước dưới đất có lưu lượng	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						nước từ 200 m ³ đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm.		
9	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	45 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - <i>Cơ quan được phân cấp:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường. - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nộp trực tiếp: + 2.500.000 đồng: Đối với báo cáo kết quả thi công giếng có lưu lượng dưới 200m³/ngày đêm. + 7.500.000 đồng: Đối với báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm. + 2.500.000 đồng: Đối với báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động có lưu lượng nước dưới 200m³/ngày đêm. + 7.500.000 đồng: Đối với báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động có lưu lượng nước từ	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						200m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm. - Nộp trực tuyến: + 1.250.000 đồng: Đối với báo cáo kết quả thi công giếng có lưu lượng dưới 200m³/ngày đêm. + 3.750.000 đồng: Đối với báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm. + 1.250.000 đồng: Đối với báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động có lưu lượng nước dưới 200m³/ngày đêm. + 3.750.000 đồng: Đối với báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động có lưu lượng nước từ		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						200m ³ đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm.		
10	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	38 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh	<i>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. <i>- Cơ quan được phân cấp:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường. <i>- Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nộp trực tiếp: + 2.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200m ³ /ngày đêm. + 6.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m ³ đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm. - Nộp trực tuyến: + 1.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200m ³ /ngày đêm. + 3.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						có lưu lượng nước từ 200m ³ đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm.		
11	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	24 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh	<i>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường <i>- Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Nộp trực tiếp: + 2.500.000 đồng: Đối với quy mô nhỏ + 7.500.000 đồng: Đối với quy mô vừa. - Nộp trực tuyến: + 1.250.000 đồng: Đối với quy mô nhỏ + 3.750.000 đồng: Đối với quy mô vừa.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
12	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	17 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua	<i>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường <i>- Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Nộp trực tiếp: + 2.000.000 đồng: Đối với quy mô nhỏ + 6.000.000 đồng: Đối với quy mô vừa. - Nộp trực tuyến: + 1.000.000 đồng: Đối với quy mô nhỏ	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị quyết số 16/2020/NQ-	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh		+ 3.000.000 đồng: Đối với quy mô vừa	HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh.	ngành và Môi trường
13	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	08 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh	<i>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường <i>- Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
14	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	26 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua	<i>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. <i>- Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh				ngành và Môi trường
15	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	45 ngày hoặc 38 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
16	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	21 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Ủy quyền theo quy định của pháp luật	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh				nghiệp và Môi trường
17	1.011516	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	14 ngày Riêng với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trong vòng 28 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - <i>Cơ quan được phân cấp:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường . - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
18	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-	45 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - <i>Cơ quan được phân cấp:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường . - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở	- Nộp trực tiếp: + 7.500.000 đồng: Thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp chưa có công trình khai thác) + 7.500.000 đồng: Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP tỉnh - Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)		- Trục tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh	Nông nghiệp và Môi trường .	đã có công trình khai thác) - Nộp trực tuyến: + 3.750.000 đồng: Thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp chưa có công trình khai thác) + 3.750.000 đồng: Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp đã có công trình khai thác)	10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh	ng nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
19	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	38 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nộp trực tiếp: 6.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt. - Nộp trực tuyến: 3.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
20	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	23 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - <i>Cơ quan được phân cấp:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường. - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
21	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	17 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - <i>Cơ quan được phân cấp:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường . - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường .	- Chưa quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
22	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	49 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường .	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
23	1.001740	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là UBND cấp tỉnh)	56 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
II CẤP HUYỆN								
1	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	14 ngày	Nộp trực tiếp tại: Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> UBND cấp huyện - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> UBND cấp huyện.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	1.001645	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	42 ngày	Nộp trực tiếp tại: Bộ phận Một cửa cấp huyện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường